

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 01/2025
LỚP LÁ

Lĩnh vực phát triển	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hình thức			Ghi chú
			Chế độ sinh hoạt/ Vui chơi	Giờ học	Chủ đề/Sự kiện lễ hội	
I. Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động:					
	1.1 Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp					
	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (MT1)	- Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh, theo bản nhạc	TDS			
	1.2 Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động:					
	Trẻ kiểm soát được vận động (MT2.2)	- Chạy chậm khoảng 100 – 120m.	VCNT			
		- Bật xa – ném trúng đích.	VCNT			
		- Đi, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp		1		
		- Tung đập bắt bóng tại chỗ (CS10).	VCNT			
	Trẻ phối hợp tay - mắt trong khi thực hiện các vận động (MT2.3)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay		2		
	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp (MT2.4)	- Bật tách khép chân – chạy nâng cao đùi		1		
1.3 Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ:						

	Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ (Chuẩn 2)(MT3.2)	- Bể, uốn nắn đất nặn.	VCTL	1		Nặn quả đậu bắp
		- Tô đồ theo nét.	HĐC	1		In hoa bằng dấu vân tay
		- Cắt được theo đường viền của hình vẽ (CS7).	VCTL	1		Cắt dán hoa mùa xuân
		- Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6).	VCTL	1		Vẽ vườn rau của bé
		- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). Tự mặc và cởi được áo (CS5).	MLMN			
		- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số	VCTL			
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:					
	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, nướng, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... (MT4.2).	- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày (CS19).	Giờ ăn			
		- Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, nướng, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Giờ ăn			
		- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến món ăn thức uống.	VCTL			
		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)	MLMN			
		- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (CS15). Tự lau mặt, đánh răng.	MLMN			
		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	MLMN			

		- Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định (CS5).	MLMN			
		- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (CS20).	MLMN			
	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống (MT6.1)	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	MLMN			
	Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (MT6.2)	- Tự rửa mặt, chải răng hằng ngày (CS16).	MLMN			
		- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS18).	MLMN			
		- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (CS17).	MLMN			
	Trẻ có một số thói quen tốt trong vệ sinh cá nhân, biết cách phòng bệnh (MT6.3)	- Biết hút lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc (CS26).	MLMN			
		- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	MLMN			
	Trẻ nhận biết ích lợi, lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (MT6.4)	- Nhận biết ích lợi, lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: Ra nắng đội mũ: đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh	MLMN			
	Trẻ nhận biết được một số vật dụng gây nguy hiểm khi đến gần như bàn là, bếp điện, phích nước nóng...; không nghịch các vật sắc nhọn (MT7.1)	Nhận biết được một số vật dụng gây nguy hiểm khi đến gần như bàn là, bếp điện, phích nước nóng...; không nghịch các vật sắc nhọn (CS21)	MLMN			
	1. Phát triển tình cảm:					

II. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng hệ xã hội	- Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động (MT1.6)	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (CS33).	MLMN			
	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức (trực nhật, xếp dọn đồ chơi, ...) (MT1.5)	- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định.	VCTL			
	- Trẻ mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến (MT1.7).	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS34).	VCTL			
	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi, ...)	- Chủ động làm 1 số công việc đơn giản hằng ngày (CS33).				
	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (MT2).	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31).				
	2. Phát triển kỹ năng xã hội:					
	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (MT4.1)	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi, cất đồ chơi vào nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ, không làm ồn nơi công cộng, đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	MLMN			
	Trẻ không nói tục, chửi bậy	- Không nói tục, chửi bậy (CS78).	MLMN			
	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (MT4.2)	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54).				
	Trẻ lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự (MT4.3).	- Lắng nghe ý kiến của người khác (CS48).		1	Bé vui đón tết	GDKNS: Dạy trẻ cách ứng xử trong ngày tết

	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác (MT4.4) .	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (CS75).				
	Trẻ tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn (MT4.6)	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (CS49).	VCTL			
	- Trẻ giữ gìn vệ sinh môi trường. Bỏ rác đúng nơi quy định (MT5.1)	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày (CS57).	MLMN	1		Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định
	- Trẻ thể hiện hành vi văn minh nơi công cộng phù hợp độ tuổi và biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (MT5.2)	Thể hiện hành vi văn minh nơi công cộng phù hợp độ tuổi và biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa, ...).	VCNT			
	- Trẻ thích chăm sóc, bảo vệ cây, con vật thân thuộc. (MT5.3)	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc (CS38).	VCNT			
	- Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. (MT5.4)	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	MLMN			
	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật					
	- Trẻ thể hiện thái độ, tình cảm như tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật (MT1.1)	- Thể hiện thái độ, tình cảm như tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các SVHT trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật...	VCTL			

III. Giáo dục phát triển thẩm mỹ	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện (MT1.2)	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	VCTL			
	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình (MT1.3)	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình.	VCTL			
	2. Một số kỹ năng và thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc :					
	- Trẻ nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc (MT2.2)	- Nhận ra giai điệu (vui buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc (CS 99).	VCTL			
	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ (MT2.3)	- Hát đúng giai điệu bài hát của trẻ em (CS100).	VCTL	1		DH: Gà gáy le te
	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu, phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) (MT2.4)	- Thể hiện cảm xúc của bài hát hoặc bản nhạc (CS101).	VCTL	1		Vận động: Inh là ơi
	- Trẻ sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát (MT2.5).	- Trẻ sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát.		2		- Tiết tấu phối hợp sắp đến tết rồi - Tiết tấu chậm: Cá vàng bơi
	- Trẻ lựa chọn và phối hợp các NVL tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn (CS8).		x		

	sản phẩm (MT2.6)	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS102).				
IV. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe hiểu lời nói:					
	- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (MT1.4)	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với lứa tuổi của trẻ (CS64).	HĐC	x		
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày:					
	- Trẻ nói rõ ràng để người khác hiểu.	- Nói mạch lạc, rõ ràng (CS65).	MLMN			
	- Trẻ sử dụng được các từ “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... phù hợp với tình huống (MT2.7).	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54). - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (CS 77).	MLMN			
	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh (MT2.10).	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày (CS66).	MLMN			
	Trẻ đọc biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp lứa tuổi (MT2.13).	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.	HĐC			
	- Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp.	- Không nói tục, chửi bậy (CS78).	MLMN			
	3. Làm quen với việc đọc - viết:					
	-Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (CS86).	MLMN			
		- Chọn sách để “đọc” và xem (MT3.3)	VCTL			
		- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	HĐC			

V. Giáo dục phát triển nhận thức	-Trẻ biết đặc điểm lợi ích và tác hại của cây, hoa quả (MT1.4).	- Biết tên, đặc điểm và lợi ích của cây, hoa quả		2		- Tìm hiểu một số loại rau ăn lá - Tìm hiểu một số loại hoa mùa xuân
		- Biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của một số cây, hoa quả. Biết phân loại cây, hoa quả, theo 2-3 dấu hiệu	VCTL	1		Khám phá củ dền, cà rốt, su hào
		Biết cách chăm sóc và bảo vệ cây, hoa quả		x		
	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... (MT4.2)	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...		x		
	2. LQ với 1 số khái niệm sơ đẳng về toán:					
* Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm						
	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (MT5.1) - Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số để chỉ số lượng, số thứ tự (MT5.5)	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104). - Biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng		2		- Chữ số 8 - Thêm bớt, tạo nhóm trong phạm vi 8
	- Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và so sánh kết quả. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104).	- Tách, gộp đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (CS105).		1		Tách 8 đối tượng thành 2 phần bằng nhiều cách khác nhau

	- Trẻ quan tâm đến chữ số và số lượng ở xung quanh (MT5.4)	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm: Bao nhiêu? Đây là mấy?		x		
3. Khám phá xã hội:						
* Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa						
	- Trẻ kể tên được một số lễ hội, và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (MT13.1)	Trẻ biết được ý nghĩa của ngày tết cổ truyền và nói về hoạt động nổi bật của ngày tết cổ truyền		1	Bé vui đón tết	Trẻ tìm hiểu phong tục ngày tết cổ truyền.
TỔNG CỘNG				27	4	